

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HS-ST.

Ngày: 28 - 9 - 2023.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Quý Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Tấn Quốc.
2. Ông Nguyễn Hữu Thành.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hồng Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 63/2023/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Viết S**, giới tính: Nam. Sinh ngày: 10/7/1987; tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: **Tổ dân phố V, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Viết T** và bà **Đông Thị V** (Đã chết); vợ: **Hồ Thị T1**, con: Có 02 người; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 31/3/2023, tạm giam ngày 01/4/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: **Trần Văn G**, giới tính: Nam, tên gọi khác: Lô. Sinh ngày: 06/10/1990, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: **Thôn H, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn A** và bà **Ngô Thị H**; vợ: **Nguyễn Thị H1** (Đã ly hôn); con: Có 02 người; tiền án: Không; tiền sự: Không. Nhân thân: Tháng 9/2008 tham gia nghĩa vụ quân sự tại Cơ động **Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh T** đến năm 2010 xuất ngũ, sau đó lập gia đình làm nghề lái xe đến ngày phạm tội. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Bắt bị cáo để tạm giam” từ ngày 01/2/2023 đến ngày 09/3/2023 thì áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay. Bị cáo có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Hữu C**, giới tính: Nam. Sinh ngày: 02/8/1994, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: **Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Hữu A1** và bà **Nguyễn Thị L**; vợ: **Hoàng Thị Mỹ T2**; con: Có 02 người; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo đang

bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Bắt bị cáo để tạm giam” từ ngày 01/2/2023 đến ngày 09/3/2023 thì áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay. Bị cáo có mặt.

4. Họ và tên: **Phan Văn N**, giới tính: Nam, tên gọi khác: Sòm. Sinh ngày: 05/4/1991, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: **Số A V, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phan Văn H2** và bà **Nguyễn Thị T3**; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 01/02/2023 cho đến nay. Nhân thân: Ngày 30/11/2014 bị **Công an tỉnh T** xử phạt hành chính số tiền 600.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định số 42/QĐ-XPVPHC, đã nộp phạt ngày 18/12/2014). Ngày 08/5/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, xử phạt 01 năm 03 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số: 27/1018/HSST) chấp hành xong thời gian thử thách ngày 08/11/2020, án phí ngày 19/7/2019. Bị cáo có mặt.

5. Họ và tên: **Hoàng Thị Bích**. Giới tính: Nữ. Tên gọi khác: **Ú** mập. Sinh ngày: 14/01/1984, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: **H N, phường A, TP H, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Hoàng Dữ Đ** và bà **Lê Thị T4**; chồng: **Hồ Tuấn D**; con: Có 03 người; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay. Bị cáo có mặt.

*Bị hại:* **Công ty TNHH T6**. Địa chỉ: **Tầng B, tòa nhà C, H L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội**. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Đắc T5**, sinh năm 1982. Địa chỉ: **C, lô T ngõ D đường H, phường M, quận N, thành phố Hà Nội**. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Hữu H3**, sinh năm 1973. Địa chỉ: **Số A đường L, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh**. Có mặt.

*Người làm chứng:*

1. Anh **Phạm Việt H4**, sinh năm 1994. Địa chỉ: **Số A đường N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Vắng mặt.

2. Chị **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1975. Địa chỉ: **Tổ A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản Cáo trạng số: 67/CT-VKS-Hth, ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo **Nguyễn Viết S** cùng đồng phạm về hành vi phạm tội:

**Công ty cổ phần T7**, có địa chỉ tại **A đường P, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**; là đơn vị chủ đầu tư dự án khu quần thể sân Golf H, ở phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (được Sở kế hoạch đầu tư, **UBND tỉnh T** cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 10/10/2007).

Để thực hiện dự án, Công ty cổ phần T7 ký hợp đồng với Công ty TNHH T6 (được Sở kế hoạch đầu tư thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 13/8/2021); có địa chỉ tầng 2, tòa nhà C, H L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội; thực hiện việc san ủi mặt bằng để thi công dự án khu quần thể sân golf H. Đồng thời ngày 15/6/2021, Công ty Cổ phần T7 ký hợp đồng với Công ty cổ phần D3, có địa chỉ số E, đường C, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; để cung cấp dịch vụ bảo vệ tại dự án khu quần thể sân golf. Sau đó, Công ty D3 đã quyết định thành lập đội bảo vệ dự án sân Golf H, trong đó Phan Văn N là nhân viên được công ty D3 tuyển dụng và trả lương 5.500.000 đồng/01 tháng để làm nhiệm vụ bảo vệ các phương tiện, vật tư, tài sản, phòng chống đột nhập trộm cắp, cướp giật... xảy ra tại khu quần thể sân golf Huế.

Từ ngày 15/02/2022, Công ty T6 triển khai thi công và tập kết các trang thiết bị, máy móc cơ giới, tại khu quần thể sân golf Huế; để thực hiện việc san ủi mặt bằng. Công ty T6 giao cho anh Phạm Việt H4, sinh ngày 02/10/1994, trú tại số D, tổ A, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội (nhân viên của Công ty); phụ trách việc cung cấp vật tư, trong đó có việc cung cấp dầu Diezen (ký hiệu DO 0,05S II), cho các phương tiện, máy móc thi công (Từ tháng 03 đến tháng 06 năm 2022, anh H4 đã cung cấp nhiên liệu là dầu Diezen để vận hành các xe máy đào số: 10 tổng số là 8.801 lít; xe máy đào số: 2 tổng số là 13.260 lít; xe máy đào số: 9 tổng số là 7.943 lít).

Sau đó, Công ty T6 ký hợp đồng lao động với: Nguyễn Viết S (Hợp đồng số: 36/2022/HĐLĐ – CGLM ngày 28/04/2022, mức lương 4.730.000 đồng/1 tháng); giao cho S lái xe máy đào SK 200 Kobloco (Ký hiệu số 10). Trần Văn G (Hợp đồng lao động số: 24/2022/HĐLĐ-CGLM ngày 11/4/2022, mức lương 4.730.000đồng/1 tháng); giao cho G lái xe máy đào SK 330 (Ký hiệu số 02). Nguyễn Hữu C (Hợp đồng lao động số: 25/2022/HĐLĐ – CGLM ngày 11/4/2022, mức lương 4.730.000 đồng/1 tháng); giao cho C lái xe máy đào KOBELCO SK 200 (Ký hiệu số 09).

Nhiệm vụ của S, G, C; được giao là lái xe, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng xe và chịu trách nhiệm về sự mất mát tài sản của xe do mình quản lý; khi hết nhiên liệu thì báo cho anh H4 đến để cung cấp, không phải thông qua ai; ngoài ra, S, G, C, còn được giao toàn bộ chìa khoá xe của mình quản lý (trong đó có chìa khoá bình nhiên liệu), để tự cất giữ, quản lý. Các xe máy đào (10, 9, 2), sau khi thi công đều để tại công trình sân G3, trong khu vực do Phan Văn N bảo vệ, quản lý.

Sau khi nhận, quản lý và vận hành xe máy đào số 10 một thời gian, S phát hiện cuối ngày làm việc, dầu trong xe lúc nào cũng còn nhiều và việc tiếp dầu, quản lý dầu tại Công ty R (chỉ cần báo hết dầu là anh H4 sẽ cho đổ dầu vào xe, rồi cho ký xác nhận vào sổ sách mà không có sự kiểm tra, giám sát gì). Thấy việc quản lý dầu của Công ty S4 như vậy nên S nảy sinh ý định lấy dầu trong xe do mình quản lý đưa đi bán lấy tiền tiêu xài.

Khoảng tháng 03/2022, S (sử dụng điện thoại Samsung Galaxy A03 màu đen có gắn thẻ sim số 0762725528) liên lạc với Phan Văn N (sử dụng điện thoại Iphone 8 màu hồng có gắn thẻ sim số 0708907979); đặt vấn đề với N: “Sau giờ làm, vào các ngày N trực tại công trình thì cho S vào công trình để hút dầu Diezen

trong xe S quản lý”; N đồng ý, hai bên thoả thuận mỗi can dầu S chiếm đoạt được sẽ chia cho N 100.000 đồng. Sau đó, S liên lạc với C (lái và quản lý xe máy đào số 09); G (lái và quản lý xe máy đào số 2); để rủ C, G, cùng lấy dầu tại các xe do C, G, quản lý để đưa đi bán chia nhau tiêu xài, C, G đồng ý (C sử dụng điện thoại di động Iphone 6 màu xám có gắn thẻ sim số 0389187045, G sử dụng điện thoại di động Iphone 6 màu xám có gắn thẻ sim số 0385880900; để liên lạc với S).

Sau đó, S, C góp tiền mua 02 can nhựa (loại 30 lít/1 can) và 03 mét ống nhựa, G tự mua 2 can nhựa (loại 30 lít/1can); để làm công cụ hút và đựng dầu. Các bị cáo thống nhất là lấy dầu vào ban đêm và trước khi lấy sẽ liên lạc với N, nếu vào ca trực của N thì cả nhóm chuẩn bị công cụ đã chuẩn bị đem theo; nếu N không trực (người khác trực) thì nói N phải xin đổi ca để được trực nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt; Nhật có nhiệm vụ đứng canh giới; còn các bị cáo thống nhất xe người nào quản lý thì người đó tự thực hiện việc hút dầu, những người còn lại phụ giúp cầm ống hút và can để đựng dầu. Sau khi lấy được dầu cả ba bị cáo thống nhất sẽ đem đến bán cho Hoàng Thị B (chủ tiệm thu mua phế liệu Duy Ú1), ở tại khu vực tổ B, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; các bị cáo thoả thuận với B, giá 01 can dầu 30 lít, giá 500.000 đồng. Về phương tiện phạm tội thì tại thời điểm này, các bị cáo sử dụng 03 xe mô tô, mua lại của những người không quen biết, do xe đã quá cũ nên các bị cáo đều không nhớ nhãn hiệu cũng như biển kiểm soát.

Trong khoảng thời gian từ ngày 30/3/2022 đến ngày 19/6/2022, Nguyễn Viết S, Nguyễn Hữu C, Trần Văn G; đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là dầu Diezen tại các xe máy đào do mình quản lý, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 22 giờ 15 phút, ngày 30/03/2022, S và C đi xe mô tô đến công trình sân Golf rồi để xe ở ngoài, đi bộ đến vị trí để xe máy đào của S và C; dùng chìa khoá xe của mình (khoá thùng dầu), mở thùng và dùng ống nhựa hút dầu trong 02 xe ra được tổng cộng 60 lít dầu D1 (xe của S 01 can 30 lít, xe của C 01 can 30 lít). Đến sáng hôm sau, cả hai đem số dầu trên đến bán cho B, được số tiền 1.000.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 12/04/2022, S điện thoại cho N thì biết hôm nay N không trực; S nói N đổi ca trực, để S và C vào công trình lấy dầu thì N đồng ý. Khoảng 23 giờ cùng ngày, S, G, C đi xe mô tô đến rồi để xe ở ngoài công trình; đi bộ đến vị trí để xe đào (03 xe), lấy được tổng cộng 120 lít dầu Diezen (04 can, xe của S 01 can 30 lít, xe của C 01 can 30 lít, xe của G 02 can 60 lít). Trong lúc các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt dầu thì N đứng canh giới. Đến sáng ngày 13/04/2022, S và G đem số dầu nói trên đến bán cho B, được số tiền 2.000.000 đồng .

Lần 3: Khoảng 18 giờ 35 đến 19 giờ 51 phút ngày 14/4/2022, G, S, nói với N đổi ca trực để cho các bị cáo vào lấy dầu, thì N đồng ý. Đến khoảng 23 giờ 15 phút cùng ngày, S, C, G, đi xe mô tô đến công trình rồi đi bộ đến các máy đào lấy được 04 can, tổng cộng 120 lít dầu (xe của S 01 can 30 lít, xe của C 01 can 30 lít, xe của G 02 can 60 lít). Sáng hôm sau, G và S đem 04 can dầu đến bán cho B, được số tiền 2.000.000 đồng.

Lần 4: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 16/04/2022, S, C, G, đến vị trí đê xe đào của mình lấy 04 can, tổng cộng 120 lít dầu (xe của S 01 can 30 lít, xe của C 01 can 30 lít, xe của G 02 can 60 lít), Sáng hôm sau, G và S đem 04 can dầu đến bán cho B, được số tiền 2.000.000 đồng.

Lần 5: Khoảng 22 giờ 51 phút ngày 17/04/2022, G một mình đến xe máy đào của mình, lấy 02 can tổng cộng 60 lít dầu, sau đó đem đến bán cho B được số tiền 1.000.000 đồng.

Lần 6: Khoảng 21 giờ 45 phút ngày 20/04/2022, S và G cùng nhau đến công trình, lấy 02 can tổng cộng 60 lít dầu (xe của S 01 can 30 lít, xe của G 01 can 30 lít), rồi đem bán cho B được số tiền 1.000.000 đồng.

Lần 7: Khoảng 0 giờ 25 phút ngày 29/04/2022, G, S, C, đến công trình lấy 06 can tổng cộng 180 lít dầu (xe của S 02 can 60 lít, xe của C 02 can 60 lít, xe của G 02 can 60 lít), sau đó đem đến bán cho B được số tiền 3.000.000 đồng.

Lần 8: Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 07/05/2022, G một mình đến xe máy đào của mình lấy 02 can dầu tổng cộng 60 lít, rồi đưa đến bán cho B được số tiền 1.000.000 đồng.

Lần 9: Khoảng 0 giờ 40 ngày 09/05/2022, G một mình đến xe máy đào của mình lấy 02 can dầu, tổng cộng 60 lít, rồi đưa đến bán cho B được số tiền 1.000.000 đồng.

Lần 10: Khoảng 22 giờ 30 ngày 09/05/2022, G một mình đến xe máy đào của mình lấy 02 can dầu, tổng cộng 60 lít, rồi đưa đến bán cho B được số tiền 1.000.000 đồng.

Lần 11: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 11/05/2022, G một mình đến xe máy đào của mình lấy 02 can dầu, tổng cộng 60 lít, rồi đưa đến bán cho B được số tiền 1.000.000 đồng.

Lần 12: Khoảng 0 giờ 14 phút ngày 21/05/2022, S và G đến xe máy đào của mình lấy 03 can dầu, tổng cộng 90 lít (xe của G 02 can 60 lít, xe của S 01 can 30 lít); rồi đưa đến bán cho B được số tiền 1.500.000 đồng.

Lần 13: Khoảng 23 giờ ngày 24/05/2022, G một mình đến xe máy đào của mình lấy 02 can dầu, tổng cộng 60 lít, rồi đưa đến bán cho B được số tiền 1.000.000 đồng.

Lần 14: Khoảng 23 giờ 20 phút ngày 28/05/2022, G, S, đến xe máy đào của mình lấy 02 can dầu, tổng cộng 60 lít (xe của G1 01 can 30 lít, xe của S 01 can 30 lít); rồi đưa đến bán cho B được số tiền 1.000.000 đồng.

Lần 15: Khoảng 23 giờ 25 phút ngày 02/06/2022, G một mình đến xe máy đào của mình lấy 02 can dầu, tổng cộng 60 lít, rồi đưa đến bán cho B được số tiền 1.000.000 đồng.

Lần 16: Khoảng 23 giờ ngày 03/06/2022, S, G, đến xe máy đào của mình lấy 04 can dầu, tổng cộng 120 lít (xe của S 02 can 60 lít, xe của G 02 can 60 lít), rồi đưa đến bán cho B được số tiền 2.000.000 đồng.

Lần 17: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 05/06/2022, G một mình đến xe máy đào của mình lấy 02 can dầu, tổng cộng 60 lít, rồi đưa đến bán cho B được số tiền 1.000.000 đồng.

Lần 18: Khoảng 23 giờ ngày 06/06/2022, **G** một mình đến xe máy đào của mình lấy 02 can dầu, tổng cộng 60 lít, rồi đưa đến bán cho **B** được số tiền 1.000.000 đồng.

Lần 19: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 08/06/2022, **G** một mình đến xe máy đào của mình lấy 02 can dầu tổng cộng 60 lít, rồi đưa đến bán cho **B** được số tiền 1.000.000 đồng.

Lần 20: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 10/06/2022, **G** và **C** đến xe máy đào của mình lấy 04 can dầu, tổng cộng 120 lít (xe của **G** 02 can 60 lít, xe của **C** 02 can 60 lít), rồi đưa đến bán cho **B** được số tiền 2.000.000 đồng.

Lần 21: Khoảng 23 giờ 20 phút ngày 12/06/2022, **G** và **C** đến xe máy đào của mình lấy 04 can dầu, tổng cộng 120 lít (xe của **G** 02 can 60 lít, xe của **C** 02 can 60 lít), rồi đưa đến bán cho **B** được số tiền 2.000.000 đồng.

Lần 22: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 14/06/2022, **G** và **C** đến xe máy đào của mình lấy 04 can dầu, tổng cộng 120 lít (xe của **G** 02 can 60 lít, xe của **C** 02 can 60 lít), rồi đưa đến bán cho **B** được số tiền 2.000.000 đồng.

Lần 23: Khoảng 23 giờ 40 phút 15/06/2022, **G** và **C** đến xe máy đào của mình lấy 04 can dầu, tổng cộng 120 lít (xe của **G** 02 can 60 lít, xe của **C** 02 can 60 lít), rồi đưa đến bán cho **B** được số tiền 2.000.000 đồng.

Lần 24: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 16/6/2022, **G** và **C** đến xe máy đào của mình lấy 04 can dầu, tổng cộng 120 lít (xe của **G** 02 can 60 lít, xe của **C** 02 can 60 lít), rồi đưa đến bán cho **B** được số tiền 2.000.000 đồng.

Lần 25: Khoảng 23 giờ 40 phút ngày 19/6/2022, **G** và **C** đến xe máy đào của mình lấy 04 can dầu, tổng cộng 120 lít (xe của **G** 02 can 60 lít, xe của **C** 02 can 60 lít), rồi đưa đến bán cho **B** được số tiền 2.000.000 đồng.

Như vậy, các bị cáo đã thực hiện các lần chiếm đoạt tài sản là dầu cụ thể như sau: **S, C**: 01 lần (ngày 30/3/2022), tổng số dầu 02 can (60 lít) bán được 1.000.000 đồng; **S, G, C**: 04 lần (ngày 12/4/2022, 14/4/2022, 16/4/2022; 29/4/2022), tổng số dầu 18 can (540 lít) bán được tổng số tiền 9.000.000 đồng; **S, G**, 04 lần (ngày 20/4/2022, 21/5/2022, 28/5/2022, 3/6/2022), tổng số dầu 11 can (330 lít) bán được tổng số tiền 5.500.000 đồng; **G, C**, 06 lần (ngày 10/6, 12/6, 14/6, 15/6, 16/6, 19/6 năm 2022), tổng số dầu 24 can (720 lít) bán được tổng số tiền 12.000.000 đồng; Riêng Giáp một mình thực hiện 10 lần vào các ngày 17/4/2022; ngày 7, 8, 9, 11, 24/5/2022 và 2, 5, 6, 8/6/2022; tổng số dầu 18 can (540 lít) bán được tổng số tiền 9.000.000 đồng.

Các lần **S, C, G**, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nêu trên thì đều thông báo cho **N** biết trước để **N** cảnh giới; tổng số tiền **S, C, G**; bán dầu đưa cho **N** là 3.700.000 đồng.

**Hoàng Thị B** biết rõ tài sản (dầu), là do **S, C, G**, phạm tội mà có nhưng đã mua 25 lần, tổng cộng 2.250 lít dầu **D1** (75 can, 01 can 30 lít) để bán lại cho bà **Nguyễn Thị N2**, sinh năm: 1975, trú tại: **tổ A, phường T, thị xã H**, và một số lái xe qua đường (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ); thu lợi được tổng số tiền là 4.000.000 đồng.

*Vật chứng Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm:*

- 02 can nhựa màu vàng, mỗi can nhựa đều có kích thước 48cmx36cmx20cm

- 01 điện thoại di động SamSung Galaxy A03 màu đen có số IMEI: 350538282804256 gắn thẻ sim số 076272558 và thẻ sim số 0935217187. (tạm giữ của Nguyễn Việt S).

- 01 điện thoại di động S5 A32 màu xám có số IMEI: 356835252528657 gắn thẻ sim số 0385880900 (tạm giữ của Trần Văn G).

- 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám có số IMEI: 356680088959449 gắn thẻ sim số 0389187045 (tạm giữ của Nguyễn Hữu C).

- 01 điện thoại di động Iphone 8 màu hồng có số IMEI: 356096097627101 gắn thẻ sim số 0708907979 (tạm giữ của Phan Văn N).

- 01 điện thoại di động Oppo A15S màu xanh – đen có số IMEI: 867690050618750 gắn thẻ sim số 0816089193 (tạm giữ của Hoàng Thị B).

- Tiền Ngân hàng N3: 67.200.000 đồng. (Sáu mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng).

Đối với 03 xe mô tô S, G, C đã mua để làm phương tiện phạm tội, sau đó các bị cáo đã bán cho người không rõ tên tuổi địa chỉ để lấy tiền tiêu xài nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 105/KL-HĐĐGTS ngày 08/12/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự UBND thị xã H, kết luận:

- 60 lít dầu D2 bị chiếm đoạt vào ngày 30/03/2022 có giá 1.417.800 đồng.
- 120 lít dầu D2 bị chiếm đoạt vào ngày 12/04/2022 có giá 2.925.600 đồng.
- 120 lít dầu D2 bị chiếm đoạt vào ngày 14/04/2022 có giá 2.925.600 đồng.
- 120 lít dầu D2 bị chiếm đoạt vào ngày 16/04/2022 có giá 2.925.600 đồng.
- 60 lít dầu D2 bị chiếm đoạt vào ngày 17/04/2022 có giá 1.462.800 đồng.
- 60 lít dầu D2 bị chiếm đoạt vào ngày 20/04/2022 có giá 1.462.800 đồng.
- 180 lít dầu D2 bị chiếm đoạt vào ngày 29/04/2022 có giá 4.563.000 đồng.
- 60 lít dầu D2 bị chiếm đoạt vào ngày 07/05/2022 có giá 1.531.800 đồng.
- 120 lít dầu D2 bị chiếm đoạt vào ngày 09/05/2022 có giá 3.063.600 đồng.
- 60 lít dầu D2 bị chiếm đoạt vào ngày 11/05/2022 có giá 1.599.000 đồng.
- 90 lít dầu D2 bị chiếm đoạt vào ngày 21/05/2022 có giá 2.398.500 đồng.
- 60 lít dầu D2 bị chiếm đoạt vào ngày 24/05/2022 có giá 1.533.000 đồng.
- 60 lít dầu D2 bị chiếm đoạt vào ngày 28/05/2022 có giá 1.533.000 đồng.
- 60 lít dầu D2 bị chiếm đoạt vào ngày 02/06/2022 có giá 1.583.400 đồng.
- 120 lít dầu D2 bị chiếm đoạt vào ngày 03/06/2022 có giá 3.166.800 đồng.
- 60 lít dầu D2 bị chiếm đoạt vào ngày 05/06/2022 có giá 1.583.400 đồng.
- 60 lít dầu D2 bị chiếm đoạt vào ngày 06/06/2022 có giá 1.583.400 đồng.
- 60 lít dầu D2 bị chiếm đoạt vào ngày 08/06/2022 có giá 1.583.400 đồng.
- 120 lít dầu D2 bị chiếm đoạt vào ngày 10/06/2022 có giá 3.166.800 đồng.
- 120 lít dầu D2 bị chiếm đoạt vào ngày 12/06/2022 có giá 3.166.800 đồng.
- 120 lít dầu D2 bị chiếm đoạt vào ngày 14/06/2022 có giá 3.482.400 đồng.
- 120 lít dầu D2 bị chiếm đoạt vào ngày 15/06/2022 có giá 3.482.400 đồng.
- 120 lít dầu D2 bị chiếm đoạt vào ngày 16/06/2022 có giá 3.482.400 đồng.
- 120 lít dầu D2 bị chiếm đoạt vào ngày 19/06/2022 có giá 3.482.400 đồng.

Tổng giá trị định giá là 59.105.700 đồng (năm mươi chín triệu một trăm lẻ năm nghìn bảy trăm đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH T6, yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền 59.105.700 đồng. Hiện các bị cáo đã tự nguyện nộp 67.200.000 đồng để khắc phục hậu quả và nộp tiền thu lợi bất chính.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản Cáo trạng đối với các bị cáo. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Viết S, Trần Văn G, Nguyễn Hữu C, Phan Văn N. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Thị Bích .

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Nguyễn Viết S từ 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng đến 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù, bị cáo Trần Văn G từ 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng đến 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù, bị cáo Nguyễn Hữu C từ 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng đến 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù, bị cáo Phan Văn N từ 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù đến 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù, bị cáo Hoàng Thị B từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, hình phạt bổ sung đối với bị cáo B từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng; xử lý vật chứng và án phí theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo thì có đủ cơ sở để kết luận: Các bị cáo Nguyễn Viết S, Trần Văn G, Nguyễn Hữu C là nhân viên lái xe máy đào, bị cáo Phan Văn N là nhân viên bảo vệ, có ký hợp đồng lao động với công ty TNHH T6 (Công ty T6) và làm việc tại quần thể sân golf Huế. Quá trình làm việc tại quần thể sân golf các bị cáo S, G, C và N được Công ty T6 giao cho quản lý và vận hành các xe máy đào ký hiệu số 10, 02, 09, giữ chìa khóa phương tiện sau khi hết giờ làm và cung cấp nhiên liệu là dầu diezen để vận hành trong quá trình thi công công trình tại quần thể sân golf. Các bị cáo đã có hành vi lợi dụng quyền hạn của mình trong việc quản lý phương tiện và sở hữu trong việc quản lý tài sản của Công ty T6 để sau giờ làm quay lại công trình sử dụng chìa khóa phương tiện mà mình quản lý cùng nhau chiếm đoạt nhiên liệu, cụ thể như sau:

Bị cáo Nguyễn Viết S thực hiện 9 lần chiếm đoạt 375 lít dầu Diezen, trị giá 9.436.050 đồng. Trong đó có 6 lần (ngày 12/4, 14/4, 16/4, 29/4, 21/5 và 3/6 năm



2022), chiếm đoạt số tiền trên 2.000.000 đồng là 7.229.250 đồng và 03 lần dưới 2.000.000 đồng là 2.206.800 đồng.

Bị cáo **Trần Văn G** thực hiện 24 lần chiếm đoạt 1.305 lít dầu Diezen, trị giá 34.382.550 đồng. Trong đó có 12 lần chiếm đoạt số tiền trên 2.000.000 đồng (ngày 12, 14, 16, 29/4; 21/5; 3, 10, 12, 14, 15, 16, 19/06) là 17.360.850 đồng và 12 lần dưới 2.000.000 đồng là 17.021.700 đồng.

Bị cáo **Nguyễn Hữu C** thực hiện 11 lần chiếm đoạt 570 lít dầu Diezen, trị giá 15.287.100 đồng. Trong đó có 10 lần chiếm đoạt số tiền trên 2.000.000 đồng (ngày 12, 14, 16, 29/4; 3, 10, 12, 14, 15, 16, 19/06) là 14.587.200 đồng, 01 lần dưới 2.000.000 đồng là 1.417.800 đồng.

Bị cáo **Phan Văn N** là người đồng ý cho bị cáo **S, G, C** vào trong khu vực thuộc trách nhiệm bảo vệ của mình và còn đứng cảnh giới cho bị cáo **S, G, C**, thực hiện các lần phạm tội nêu trên để thu lợi bất chính số tiền 3.700.000 đồng (Ba triệu bảy trăm ngàn đồng).

Như vậy, hành vi của các bị cáo **Nguyễn Viết S, Trần Văn G, Nguyễn Hữu C** và **Phan Văn N** nhiều lần chiếm đoạt tổng số dầu Diezen là 2.250 lít, trị giá 59.105.700 đồng (Năm mươi chín triệu một trăm lẻ năm ngàn bảy trăm đồng). Do đó, các bị cáo **Nguyễn Viết S, Trần Văn G, Nguyễn Hữu C** và **Phan Văn N** đã phạm vào tội “Tham ô tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo **Hoàng Thị B** không hứa hẹn trước và biết rõ tài sản là do các bị cáo **S, G, C**, phạm tội mà có nhưng đã mua 25 lần, với tổng số 2250 lít dầu **D1**, thu lợi bất chính số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Do đó, bị cáo **Hoàng Thị B** đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn trên là chính xác, đúng pháp luật.

[3] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Xét các bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lợi dụng quyền hạn mà mình có trách nhiệm quản lý để chiếm đoạt tài sản của Công ty là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, nên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đây là vụ án có đồng phạm, nên khi xem xét quyết định hình phạt, cần đánh giá mức độ hành vi nguy hiểm và vai trò của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có mức án phù hợp do từng bị cáo gây ra.

Đối với bị cáo **Nguyễn Viết S** là người khởi xướng việc phạm tội và thực hiện tội phạm tích cực nên phải chịu mức hình phạt cao nhất trong vụ án. Tuy nhiên, xét cho bị cáo đã thành khẩn khai báo; bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; đang nuôi con nhỏ; bản thân chưa có tiền án, tiền sự; có bà nội là **Lê Thị G2** được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng 3, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo **Trần Văn G, Nguyễn Hữu C** là người trực tiếp thực hiện việc phạm tội nên chịu mức hình phạt sau bị cáo **S**. Tuy nhiên, xét cho bị cáo đã thành

khẩn khai báo; bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; đang nuôi con nhỏ; bản thân chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo **G** có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, hiện nay vợ chồng đã ly hôn, bản thân bị cáo **G** đang trực tiếp nuôi một người con và có ông nội là ông **Trần Văn S1** liệt sĩ nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo **Phan Văn N** là nhân viên bảo vệ, đồng phạm cảnh giới cho các bị cáo **S1, G, C** thực hiện việc phạm tội và thu lợi bất chính số tiền 3.700.000 đồng. Bị cáo có nhân thân xấu, nên chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi của mình gây ra. Tuy nhiên, xét cho bị cáo đã thành khẩn khai báo, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo **Nguyễn Việt S, Trần Văn G, Nguyễn Hữu C, Phan Văn N** có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự; quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Đối với bị cáo **Hoàng Thị B** là người tiêu thụ số nhiên liệu của các bị cáo với tổng cộng 25 lần nên bị cáo Bính phạm vào tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét cho bị cáo đã thành khẩn khai báo, khắc phục hậu quả; hiện nay, chồng của bị cáo đau thận nặng, không làm gì được và thường xuyên phải điều trị tại bệnh viện; bị cáo đang nuôi con nhỏ; có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động duy nhất lo cho cuộc sống gia đình, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, là phụ nữ có thời gian chăm sóc nuôi con và gia đình, nên áp dụng Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, dáo dục, cũng đủ tác dụng răn đe bị cáo và phòng ngừa chung, như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là hợp lý.

[4] Về trách nhiệm dân sự: **Công ty TNHH T6**, yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền 59.500.000 đồng. Hiện các bị cáo đã tự nguyện nộp 67.200.000 đồng để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và thu lợi bất chính. Trong đó: Bị cáo **Nguyễn Việt S** nộp 9.500.000 đồng, **Trần Văn G** nộp 34.500.000 đồng, **Nguyễn Hữu C** nộp 15.500.000 đồng, **Phan Văn N** nộp 3.700.000, **Hoàng Thị B** nộp 4.000.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 can nhựa màu vàng, mỗi cái can nhựa đều có kích thước 48cmx36cmx20cm không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động SamSung Galaxy A03 màu đen có số IMEI: 350538282804256 gắn thẻ sim số 076272558 và thẻ sim số 0935217187 (tạm giữ của **Nguyễn Việt S**), 01 điện thoại di động SamSung Galaxy A32 màu xám có số IMEI: 356835252528657 gắn thẻ sim số 0385880900 (tạm giữ của **Trần Văn G**) 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám có số IMEI: 356680088959449 gắn thẻ sim số 0389187045 (tạm giữ của **Nguyễn Hữu C**) 01 điện thoại di động Iphone 8 màu hồng có số IMEI: 356096097627101 gắn thẻ sim số 0708907979 (tạm giữ của

Phan Văn N), 01 điện thoại di động Oppo A15S màu xanh – đen có số IMEI1: 867690050618750 gắn thẻ sim số 0816089193 (tạm giữ của Hoàng Thị B) là công cụ phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với Tiền Ngân hàng N3: 67.200.000 đồng. (Sáu mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng) Trong đó: Bị cáo Nguyễn Viết S nộp 9.500.000 đồng, Trần Văn G nộp 34.500.000 đồng, Nguyễn Hữu C nộp 15.500.000 đồng, Phan Văn N nộp 3.700.000, Hoàng Thị B nộp 4.000.000 đồng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền Phan Văn N nộp 3.700.000. Hoàng Thị B nộp 4.000.000 đồng do thu lợi từ việc phạm tội mà có.

Trả cho Công ty TNHH T6 số tiền 59.500.000 đồng, do các bị cáo Nguyễn Viết S nộp 9.500.000 đồng Trần Văn G nộp 34.500.000 đồng, Nguyễn Hữu C nộp 15.500.000 đồng để bồi thường cho Công ty.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Viết S, bị cáo Trần Văn G (Tên gọi khác: Lô), bị cáo Nguyễn Hữu C, Phan Văn N (Tên gọi khác: Sòm).

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Thị B (Tên gọi khác: Út mập).

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Viết S, Trần Văn G (Tên gọi khác: Lô), Nguyễn Hữu C, Phan Văn N (Tên gọi khác: S2) phạm tội “Tham ô tài sản”. Bị cáo Hoàng Thị B (Tên gọi khác: Út M) phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” .

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết S 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 31/3/2023.

Xử phạt bị cáo Trần Văn G 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 01/02/2023 đến ngày 09/03/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C 02 (Hai) năm 07 (B1) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 01/02/2023 đến ngày 09/03/2023.

Xử phạt bị cáo Phan Văn N 02 (Hai) năm 06 (S3) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 01/02/2023.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị B 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Hoàng Thị B cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo **Hoàng Thị B** phải nộp 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) vào ngân sách Nhà Nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: **Công ty TNHH T6**, yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền 59.500.000 đồng.

Hiện các bị cáo **Nguyễn Viết S**, **Trần Văn G**, **Nguyễn Hữu C**, **Phan Văn N**, **Hoàng Thị B** đã tự nguyện nộp tiền 67.200.000 đồng, tiền thu lợi bất chính, khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho công ty, số tiền trên đang tạm giữ tại Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự; Tuyên xử:

Tịch thu tiêu hủy 02 can nhựa màu vàng, mỗi can nhựa đều có kích thước 48cmx36cmx20cm.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động SamSung Galaxy A03 màu đen có số IMEI: 350538282804256 gắn thẻ sim số 076272558 và thẻ sim số 0935217187 của bị cáo **Nguyễn Viết S**; 01 điện thoại di động SamSung Galaxy A32 màu xám có số IMEI1: 356835252528657 gắn thẻ sim số 0385880900 của bị cáo **Trần Văn G**; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám có số IMEI: 356680088959449 gắn thẻ sim số 0389187045 của bị cáo **Nguyễn Hữu C**; 01 điện thoại di động Iphone 8 màu hồng có số IMEI: 356096097627101 gắn thẻ sim số 0708907979 của bị cáo **Phan Văn N**; 01 điện thoại di động Oppo A15S màu xanh – đen có số IMEI1: 867690050618750 gắn thẻ sim số 0816089193 của bị cáo **Hoàng Thị Bích**.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền **Phan Văn N** nộp 3.700.000 đồng (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng). **Hoàng Thị B** nộp 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) do thu lợi từ việc phạm tội mà có.

Trả cho **Công ty TNHH T6** số tiền 59.500.000 đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Hiện các vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự **thị xã H**, theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/9/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an thị xã H** và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo **Nguyễn Viết S**, **Trần Văn G**, **Nguyễn Hữu C**, **Phan Văn N** và **Hoàng Thị B** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án, bị trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TT Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TTHuế;
- Phòng PV 06 CA tỉnh TT Huế;
- CQĐT thị xã Hương Thủy;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- CQ Thi hành án dân sự Hương Thủy;
- CQ Thi hành án hình sự Hương Thủy;
- Các bị cáo; bị hại
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Quý Vân**